TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 125/2025/HS-PT
Ngày 14-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Chu Thành Quang;
ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên toà: ông Lương Hải Anh - Thư kí Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:* ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 857/2025/TLHS-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Hà Văn D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 324/2025/HS-ST ngày 20-5-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo kháng cáo:

Hà Văn D sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: tổ xx, phường H, thành phố Hà Nội; trú tại: tòa chung cư T, phường H, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 27/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Hà Nội (PC01) có Công văn số 2001 đề nghị quận ủy Đ, thành phố Hà Nội xử lý kỷ luật đối với Hà Văn D, Quyết định số 4022-QĐ/ĐU ngày 19/5/2025 của quận ủy Đ về việc xóa tên đảng viên; con ông Hà Văn D và bà Đoàn Thị N; có vợ là Nguyễn Thùy Linh và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 07/02/2024; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Thị Kim T - Văn phòng luật sư B, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị hại:

- Anh Chu V sinh năm 1976; trú tại: phường C, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1976; trú tại: phường V, thành phố Hà Nội.

Trong vụ án còn có bị cáo Vũ Minh Q không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, không có khả năng trong việc xin gia hạn 02 hợp đồng kinh doanh xăng dầu giữa Công ty B và hai đơn vị thuộc quân chủng phòng không - không quân, Bộ Quốc phòng nhưng Vũ Minh Quốc, Hà Văn D vẫn đưa ra thông tin gian dối giới thiệu với anh Chu V là bản thân có nhiều mối quan hệ với các lãnh đạo trong Bộ Quốc phòng có khả năng gia hạn 02 hợp đồng nêu trên trong thời gian 07 ngày với chi phí đặt cọc là 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi gia hạn được sẽ báo sau; Ngoài ra Hà Văn D còn đưa ra thông tin gian dối với chị Nguyễn Thị T về việc bản thân D có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin cấp giấy phép xây dựng nhà và xin chuyển hộ khẩu về Hà Nội cho gia đình chị T với chi phí là 160.000.000 đồng. Do tin tưởng Quốc và D nói là thật nên các bị hại chuyển tiền cho Quốc và D. Sau khi nhận tiền của người bị hại Vũ Minh Quốc, Hà Văn D không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt chi tiêu cho mục đích cá nhân, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của anh Chu V

Vào các năm 2013 và năm 2015, Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B (mã số doanh nghiệp: 0105414914, địa chỉ tại: thôn Đ, xã D, huyện Đ, Hà Nội do ông Trần Trọng Q - Giám đốc đại diện theo pháp luật đã ký 02 hợp đồng với hai đơn vị là Sư đoàn 361 và Trung tâm đo lường Miền Bắc thuộc quân chủng phòng không không quân - Bộ Quốc phòng về việc hợp tác kinh doanh xăng dầu trên diện tích đất do quân chủng phòng không không quân - Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng cụ thể như sau:

Ngày 10/10/2013, Công ty B đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh xăng dầu số 01/2013/HĐKT với Sư đoàn 361 - Quân chủng phòng không không quân, Bộ Quốc phòng về việc Công ty B được quyền khai thác sử dụng khu đất 950 m^2 tại xã D, huyện Đ, TP. Hà Nội do Sư đoàn 361 quản lý để kinh doanh xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng ô tô. Hợp đồng giữa hai bên có thời hạn 03 năm (từ ngày 31/12/2013 đến ngày 31/12/2016).

Ngày 26/10/2015, Công ty B đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác trạm cấp phát xăng dầu số 01/HĐ2015- TTĐLMB- BM với Trung tâm đo lường Miền Bắc (tiền thân là nhà máy A45-Cục kỹ thuật Phòng không không quân - Bộ Quốc phòng) về việc Công ty B được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 325 m^2 tại phố T, quận B, TP. Hà Nội do Trung tâm đo lường Miền Bắc quản lý để kinh doanh xăng dầu. Hợp đồng giữa 02 bên có thời hạn trong thời gian 05 năm (từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/10/2020).

Sau khi hết thời hạn 02 hợp đồng nêu trên, do muốn tiếp tục kinh doanh xăng dầu tại hai địa điểm trên, tháng 02/2022 Công ty B đã ủy quyền cho anh Chu V là nhân viên Công ty B làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất để kinh doanh xăng dầu (theo giấy ủy quyền được ký ngày 16/2/2022 giữa Công ty B và anh Chu V). Tháng 02/2020, thông qua Hà Quang Đ, anh V quen biết với Vũ Minh Q là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ V. Quá trình quen biết, anh Chu V trao đổi với Q về việc đang tìm người giúp Công ty

B gia hạn hợp đồng thuê đất để kinh doanh xăng dầu với 02 đơn vị thuộc quân chủng Phòng không không quân - Bộ Quốc phòng, Q nói để Q hỏi lại các mối quan hệ của Q rồi thông báo lại cho anh V. Sau đó, Q trao đổi nội dung trên với một người bạn của Q tên là Tuấn Anh (Tuấn Anh giới thiệu với Q sinh năm 1986, quê ở Sầm Sơn, Thanh Hóa, đang công tác tại Bộ Quốc phòng, ngoài ra Q không biết thông tin nào khác của Tuấn Anh) nhờ Tuấn Anh hỏi xem có ai giúp được không. Tuấn Anh liên hệ với Lưu Thị N, là cán bộ công tác tại Cục điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, đã xuất ngũ năm 2018 để nhờ N hỏi giúp thì N đồng ý. N tiếp tục liên hệ với Hà Văn D, thời điểm đó D là cán bộ của Cục điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng để nhờ D làm các thủ tục gia hạn 02 hợp đồng nêu trên cho Công ty B, D nói với chị N gia hạn được 02 hợp đồng nêu trên trong thời gian 07 ngày và chi phí để gia hạn là 900.000.000 đồng, đặt cọc trước 500.000.000 đồng. Sau khi gia hạn được thì giao nốt số tiền còn lại. Sau đó N trao đổi lại với Tuấn Anh là chị N gia hạn được 02 hợp đồng nêu trên với chi phí 2.000.000.000 đồng, phải đặt cọc trước 500.000.000 đồng, sau khi gia hạn được thì giao nốt số tiền còn lại. Tuấn Anh thông báo lại với Q là đã nhờ được N gia hạn 02 hợp đồng trên cho Công ty B, chi phí đặt cọc trước 500.000.000 đồng, sau khi gia hạn xong phát sinh chi phí bao nhiêu thì Tuấn Anh sẽ báo sau. Sau khi được Tuấn Anh thông báo với nội dung trên thì Q thông tin lại cho anh V sẽ gia hạn được 02 hợp đồng nêu trên và hẹn gặp trực tiếp anh V tại nhà Q để trao đổi. Sáng ngày 18/2/2022, anh V gặp Q và Tuấn Anh tại nhà Q tại địa chỉ Phòng 202, Chung cư MD Complex Tower, ngõ 26 phố Nguyễn Cơ Thạch, khu đô thị Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tại đây, Q nói với anh V là bản thân có mối quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo trong Bộ Quốc phòng, có khả năng làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh xăng dầu cho Công ty B trong thời gian 07 ngày với chi phí đặt cọc là 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi gia hạn được Q sẽ báo sau, anh V đồng ý nhờ Q xin gia hạn 02 hợp đồng trên. Sau đó, Q yêu cầu anh V chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản số 34110001136338 mở tại ngân hàng BIDV của Q, cùng ngày anh V đã sử dụng tài khoản số 33145230, mở tại ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản của Q mở tại ngân hàng BIDV nội dung ghi: "A V Cty B ck". Sau khi nhận tiền, Q rút 900.000.000 đồng tiền mặt và bảo Tuấn Anh hẹn gặp N để giao tiền cho N. Q đưa cho Tuấn Anh 700.000.000 đồng (việc Q đưa tiền cho Tuấn Anh không viết giấy biên nhận, không có ai chứng kiến). Sau đó, Tuấn Anh liên lạc hẹn gặp N tại 01 quán cafe trên phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. Tuấn Anh đã giao cho N 02 bản hợp đồng phô tô của Công ty B và 500.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền không có giấy tờ biên nhận, cùng ngày N giao cho D 200.000.000 đồng tại khu vực phường Hà Cầu, quận Đ, TP. Hà Nội nhưng không viết giấy biên nhận, có chị Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, là bạn của chị N chứng kiến. Đến ngày 24/2/2022, theo yêu cầu của Q, anh V chuyển cho Q bản công chứng Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty B và 02 hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu của Công ty B cho Q, Q giao lại tài liệu trên cho Tuấn Anh để Tuấn Anh giao lại cho N. Ngày 08/3/2024, tại quán bia trên đường Trần Phú, quận Ba Đình, TP Hà

Nội, N giao cho D các tài liệu nêu trên đồng thời chuyển khoản 400.000.000 đồng từ tài khoản số 0011004357225 của chị N mở tại ngân hàng Vietcombank đến tài khoản ngân hàng số 197623456 của D mở tại Ngân hàng MBBank. Tổng số tiền chị N giao cho D là 600.000.000 đồng để nhờ D xin gia hạn 02 hợp đồng trên (gồm 500.000.000 đồng của anh V đưa thông qua Q và Tuấn Anh, 100.000.000 đồng là tiền cá nhân của chị N tự ứng ra). Sau khi nhận số tiền 600.000.000 đồng của chị N, D đã hỏi một số người quen tại quân chủng phòng không không quân - Bộ Q phòng thì được biết không thể gia hạn được 02 hợp đồng trên nhưng D không thông tin lại cho chị N biết cũng không trả lại tiền. Số tiền 600 triệu đồng nhận của N, D đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Hết thời hạn cam kết, Q không thực hiện được việc gia hạn 02 hợp đồng kinh doanh xăng dầu cho Công ty B, anh Chu V đã nhiều lần liên hệ và tìm gặp yêu cầu Q hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng Q lấy nhiều lý do khất lần, trốn tránh không trả lại anh V số tiền trên. Ngày 31/5/2022 anh V đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Minh Q đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết.

Như vậy Vũ Minh Q đã đưa thông tin gian dối với anh Chu V là Q có mối quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo trong Bộ Quốc phòng, có khả năng làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh xăng dầu cho Công ty B trong thời gian 07 ngày với chi phí đặt cọc là 1.000.000.000 đồng. Do tin Q nói là thật nên anh V đã chuyển khoản cho Q số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh V, Q khai đã đưa cho Tuấn Anh 700.000.000 đồng để đưa cho N 500.000.000 đồng nhờ N xin gia hạn 02 hợp đồng trên cho Công ty B (Tuấn Anh được Q trả công 200.000.000 đồng). N đã nhận từ anh Tuấn Anh 500.000.000 đồng và tự bỏ tiền cá nhân 100.000.000 đồng đưa cho Hà Văn D 600.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ N, D đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân không trả.

Đối với hành vi của Hà Văn D: mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, không có khả năng xin gia hạn 02 hợp đồng kinh doanh xăng dầu cho công ty B với các đơn vị thuộc Quân chủng phòng không - không quân - Bộ Quốc phòng nhưng D vẫn hứa hẹn, cam kết với chị N sẽ gia hạn được hợp đồng với thời hạn 07 ngày với chi phí hết 900 triệu đồng, đặt cọc trước 500 triệu đồng để chị N tin tưởng thông báo lại cho Tuấn Anh và Q, Q thông báo lại cho anh V. Sau đó thông qua chị N, D nhận 600 triệu đồng cùng hợp đồng của công ty B (trong đó có 500 triệu đồng là của anh Chu V và 100 triệu đồng là của chị N tự ứng ra). Sau khi nhận số tiền trên D không thực hiện được như cam kết cũng không trả lại tiền mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã xác minh tài khoản NH MB Bank số: 197623456 chủ tài khoản Hà Văn D; Sao kê tài khoản của N số 0011004357225, mở tại ngân hàng Vietcombank; Sao kê tài khoản số 34110001136338 của Q mở tại ngân hàng BIDV; sao kê tài khoản số 33145230 anh V mở tại ngân hàng Techcombank. Kết quả phù hợp với nội dung vụ án.

- Xác minh tại Cục điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, kết quả: từ tháng 06/2010 đến tháng 04/2023, Hà Văn D công tác tại Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng. Đến ngày 14/4/2023 D có đơn xin nghỉ hưu và đã được Bộ Quốc phòng xét D. Ngày 28/4/2023, Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam có Quyết định về việc cán bộ nghỉ hưu số 15/QĐX- BTTM đối với Hà Văn D.

Tại Cơ quan điều tra:

- Anh Chu V khai phù hợp với nội dung vụ án. Anh V đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý hành vi của Vũ Minh Q theo quy định của pháp luật, yêu cầu Q phải trả lại cho anh V 500.000.000 đồng.

- Vũ Minh Q khai nhận: sau khi Tuấn Anh trao đổi với N và báo chi phí xin gia hạn 02 hợp đồng nêu trên là 500.000.000 đồng. Q và Tuấn Anh bàn bạc với nhau sẽ nói với anh V chi phí để gia hạn hợp đồng nêu trên phải đặt cọc trước 1.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi gia hạn được hợp đồng. Số tiền chênh lệch 500.000.000 đồng, Q và Tuấn Anh thỏa thuận Q được hưởng 300.000.000 đồng còn Tuấn Anh được hưởng 200.000.000 đồng. Khi nhận 1.000.000.000 đồng từ anh V, Q đã giao lại cho Tuấn Anh 700.000.000 đồng giữ lại 300.000.000 đồng. Số tiền này Q sử dụng để chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng khắc phục hậu quả. Q không có thông tin liên lạc và địa chỉ cụ thể của Tuấn Anh, Q chỉ biết Tuấn Anh quê ở Thanh Hóa và sử dụng số điện thoại 0366788188 để liên lạc với Q.

- Hà Văn D khai nhận: D không có chức năng nhiệm vụ trong việc xin gia hạn 02 hợp đồng nêu trên cho Công ty B, số tiền đã nhận từ Lưu Thị N, D đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, ngày 22/6/2023, D giao nộp cho Cơ quan điều tra 400.000.000 đồng, ngày 19/7/2023, D giao nộp 100.000.000 đồng để khắc phục cho anh Chu V. Tổng số tiền D đã khắc phục hậu quả là 500.000.000 đồng.

- Chị Lưu Thị N khai: sau khi được Tuấn Anh nhờ, chị N đã liên hệ nhờ Hà Văn D giúp và D đồng ý. Sau khi nhận 500.000.000 đồng do Tuấn Anh chuyển, theo yêu cầu của Tuấn Anh, N đã chi cho Tuấn Anh 25.000.000 đồng tiền môi giới. Sau đó N đã tự bỏ thêm 125.000.000 đồng tiền cá nhân để giao cho D tổng số tiền là 600.000.000 đồng để D sớm thực hiện việc gia hạn 02 hợp đồng nêu trên với mục đích được hưởng số tiền chênh lệch. Sau khi D không thực hiện được việc gia hạn như cam kết và bị Q đòi tiền nhiều lần, ngày 03/01/2023, N đã viết 01 Giấy hẹn trả nợ số tiền 500.000.000 đồng đưa cho Q. N chỉ biết Tuấn Anh sử dụng số điện thoại 0366788188 và quê ở Thanh Hóa, ngoài ra N không biết thông tin liên lạc nào khác của Tuấn Anh. Do đến nay D đã bị Cơ quan điều tra khởi tố, bắt tạm giam nên N không yêu cầu D phải trả số tiền 100.000.000 đồng mà N đã tự bỏ ra.

Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại 0366788188 mà chị N khai Tuấn Anh sử dụng tại Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel: kết quả chủ sử dụng số điện thoại 0366788188 là Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1988, HKTT: TDP Phong Ý, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Xác minh tại thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, kết quả: Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1988 trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP Phong Ý, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên đến năm 2022, Phúc đã chuyển khẩu về thôn 6, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và không sinh sống tại địa phương. Xác minh tại Công an xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, kết quả: Nguyễn Văn Phúc có đăng ký HKTT tại địa chỉ: thôn 6, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhưng không sinh sống tại địa phương. Hiện Phúc đang ở đâu, làm gì, Công an xã Cao Nhân không nắm được. Công an xã Cao nhân đã cung cấp cho Cơ quan điều tra ảnh chân dung của Nguyễn Văn Phúc.

Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Vũ Minh Q nhận dạng đối tượng Nguyễn Văn Phúc qua ảnh, kết quả: Q nhận dạng chính xác Phúc chính là Tuấn Anh nêu trên. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được có căn cứ xác định đối tượng Tuấn Anh tên thật là Nguyễn Văn Phúc (có thông tin lai lịch nêu trên).

Đối với Nguyễn Văn Phúc (Tuấn Anh): ngoài lời khai của Vũ Minh Q, Lưu Thị N không có tài liệu nào khác chứng minh việc Tuấn Anh được hưởng lợi 200.000.000 đồng từ việc xin gia hạn 02 hợp đồng nêu trên. Cơ quan điều tra đã T hành xác minh nhưng đến nay chưa xác định được nơi cư trú của Nguyễn Văn Phúc để ghi lời khai làm rõ nội dung vụ án. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người, Quyết định tách tài liệu liên quan đến đối tượng Nguyễn Văn Phúc để để tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với hành vi của chị Lưu Thị N: mặc dù chị N biết bản thân không có khả năng xin gia hạn 02 hợp đồng kinh doanh xăng dầu cho Công ty B khi Tuấn Anh nhờ giúp nhưng khi được Hà Văn D giới thiệu và cam kết làm được gia hạn hợp đồng nên chị N đã tin tưởng D. Do vậy đã thông báo và nhận số tiền 500.000.000 đồng của anh V thông qua Q và Tuấn Anh. Sau khi nhận tiền, chị N đã chuyển hết 500.000.000 đồng cho D và tự bỏ ra thêm 100.000.000 đồng thành 600.000.000 để đưa cho D nhờ xin gia hạn 02 hợp đồng trên cho Công ty B. Xét thấy N chỉ là người trung gian không gian dối, không có ý thức chiếm đoạt tiền của anh V, không bàn bạc với Q, D và không biết Q và D lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh V hơn nữa chị N không được hưởng lợi gì từ việc nhờ D xin gia hạn 02 hợp đồng trên. Hành vi của N không đồng phạm với các bị cáo Q và bị cáo D. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Trách nhiệm dân sự: ngày 22/6/2023 và ngày 19/7/2023, D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 500.000.000 đồng, để khắc phục cho anh Chu V. Ngày 20/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 86, trao trả số tiền 500.000.000 đồng cho anh Chu V là tiền do Hà Văn D giao nộp để khắc phục hậu quả cho anh Chu V. Anh Chu V yêu cầu Vũ Minh Q trả lại cho anh V 500.000.000 đồng. Chị Lưu Thị N không có yêu cầu đề nghị về dân sự.

2. Hà Văn D thực hiện hành vi chiếm đoạt 160.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T

Năm 2022, vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình Dũng đang là chủ sử dụng thửa đất có diện tích 63.8 m^2 tại địa chỉ: ngõ 162/34/36 Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận H, TP. Hà Nội. Thửa đất này của chị T chưa được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thông qua mối quan hệ xã hội chị T biết Hà Văn D, do có nhu cầu xây nhà để ở nên khoảng cuối năm 2022, chị T nhờ D làm thủ tục xin các Cơ quan chức năng cấp giấy phép xây dựng cho chị T được xây nhà trên thửa đất nêu trên. D giới thiệu với chị T là D có nhiều mối quan hệ, xin cho gia đình chị T được cấp Giấy phép xây dựng với chi phí 140.000.000 đồng, nhưng phải chuyển tiền trước cho D.

Tin tưởng D đang công tác tại Cục điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng và D khẳng định là D sẽ xin được Giấy phép xây dựng giúp chị T, nên từ tháng 12/2022 đến 21/2/2023, chị T đã nhờ cháu ruột là Nguyễn Văn Tỉnh 03 lần chuyển tiền từ tài khoản số 19034805189013 của Tỉnh mở tại Ngân hàng Techcombank đến số tài khoản số 1976123456 của D mở tại Ngân hàng MB Bank tổng số tiền 130.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 18/01/2023 chị T cùng chồng là anh Dũng đưa trực tiếp cho D 10.000.000 đồng tại quán café trên đường X, quận Đ. Tổng số tiền chị T đã chuyển cho D là 140.000.000 đồng. Sau thời gian dài không thấy có kết quả, chị T nhiều lần liên lạc, thúc giục thì D hứa hẹn, khất lần và nói là các anh em của D vẫn đang làm để chị T tin tưởng và chờ đợi.

Đến khoảng tháng 6 năm 2023 chị T tiếp tục nhờ D chuyển hộ khẩu cho gia đình chị T từ phường B, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh được nhập khẩu về quận H, TP. Hà Nội. D đồng ý và nói chi phí chuyển khẩu cho gia đình chị T là 40.000.000 đồng nhưng phải giao trước 20.000.000 đồng. D hẹn đến khoảng ngày 15 tháng 7 năm 2023 hoặc ngày 20 tháng 7 năm 2023 sẽ thực hiện xong việc chuyển khẩu. Do tin tưởng D nên ngày 17/6/2023 chị T tiếp tục nhờ cháu ruột là Nguyễn Văn Tỉnh chuyển khoản cho D 20.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền ghi: "cô T ck". Sau khi nhận 160.000.000 đồng của chị T, D không thực hiện công việc gì để được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và chuyển khẩu cho gia đình chị T mà chiếm đoạt số tiền trên sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Chị T đợi không thấy được nhập khẩu về Hà Nội và không được cấp giấy phép xây dựng nên đã nhiều lần yêu cầu D trả lại tiền nhưng D khất lần không trả nên ngày 01/3/2024 chị T đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D đến Cơ quan điều tra đề nghị giải quyết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản số 1976123456 của D mở tại Ngân hàng MB Bank thể hiện anh T1 đã chuyển cho D số tiền 150.000.000 đồng; ngày 18/01/2023 chị T cùng chồng là anh Dũng chuyển cho D 10.000.000 đồng tại 01 quán café trên đường X, quận H. Hà Văn D khai xác nhận đã nhận và chiếm đoạt của vợ chồng chị T và anh D tổng số tiền là 160.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra xác minh tại Phòng quản lý đô thị - Ủy ban nhân dân quận H kết quả: Phòng quản lý đô thị - Ủy ban nhân dân quận H không tiếp nhận hồ sơ, không cấp giấy phép xây dựng cho gia đình chị T để được xây dựng thửa đất có diện tích 63.8 m^2 tại địa chỉ: phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Xác minh tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an quận H không tiếp nhận hồ sơ xin chuyển hộ khẩu cho gia đình chị T từ Phường B, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh về quận H, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình điều tra, Hà Văn D đã tác động gia đình bồi thường cho chị T 100.000.000 đồng.

Tại Bản án số 324/2025/HS-ST ngày 20-5-2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s và v khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 50, 54 và 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn D 11 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-02-2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Vũ Minh Q và trách nhiệm dân sự, án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29-5-2025, bị cáo Hà Văn D kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội, đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo với lí do phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại là chị T 60.000.000 đồng và chị T có đơn đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến Kiểm sát viên: đề nghị sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Luật sư đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến việc gia hạn hợp đồng kinh doanh xăng dầu giữa Công ty B và hai đơn vị thuộc quân chủng phòng không - không quân, Bộ Quốc phòng nhưng vào tháng 02 năm 2022, Vũ Minh Q và Hà Văn D đã có hành vi gian dối hứa hẹn gia hạn hợp đồng nêu trên cho Công ty B, chiếm đoạt của Công ty B (do anh Chu V đại diện theo ủy quyền) 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra, Hà Văn D còn có hành vi gian dối hứa hẹn xin cấp giấy phép xây dựng nhà và chuyển hộ khẩu về Hà Nội cho gia đình chị Nguyễn Thị T, chiếm đoạt của chị T số tiền là 160.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Hà Văn D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo 11 năm tù là có căn cứ.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại khắc

phục hậu quả cho các bị hại; có thành tích xuất sắc trong công tác …, thì sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho chị T 60.000.000 đồng và chị T có đơn đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ mới đối với bị cáo. Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án trước và sau khi xét xử sơ thẩm (tình tiết mới) và nhân thân bị cáo xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, ý kiến Kiểm sát viên và người bào chữa giảm hình phạt cho bị cáo theo quy định.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa Bản án số 324/2025/HS-ST ngày 20-5-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s và v khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 50, 54 và 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn D 10 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-02-2024.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Hà Văn D không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Viện phúc thẩm 1;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Công an tp. Hà Nội;
- Trại tạm giam - CA tp. Hà Nội (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Thi hành án dân sự tp. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam